

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 16 - 01 - 2023

V/v xin ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh
Trần Văn Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Chung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Kiều.

2. Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên toà xét xử sơ công khai vụ án thụ lý số 167/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Xóm x, xã NĐ, huyện H, tỉnh Nam Định.

* *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1990; Địa chỉ: Xóm x, xã NĐ, huyện H, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà có mặt chị H, vắng mặt anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như lời khai của chị H tại phiên toà thể hiện: Chị và anh Trần Văn Đ kết hôn với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã NĐ, huyện H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh

phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, chồng vô tâm dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ tháng 01/2022, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin ly hôn anh Đ. Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có ba con chung là Trần Minh T, sinh ngày 13/07/2014; Trần Thị Yến N, sinh ngày 10/02/2017 và Trần An Nh, sinh ngày 13/8/2021. Hiện hai cháu lớn là T, N đang ở với anh Đ, cháu Nh đang ở với chị H. Sau khi ly hôn, chị H xin tiếp tục nuôi cháu Nh còn anh Đ tiếp tục nuôi hai cháu T và N; chị H, anh Đ không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay anh Đ vắng mặt, không có lời khai trong hồ sơ.

Tại Biên bản làm việc ngày 24/11/2022 với Ủy ban nhân dân xã NĐ và tại Biên bản làm việc ngày 29/11/2022 với ông Trần Văn Th và bà Đinh Thị B là bố mẹ đẻ của anh Đ, thể hiện: Anh Đ, chị H hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Việc kết hôn, con chung như chị H đã trình bày. Việc anh Đ chị H có mâu thuẫn trong cuộc sống là do kinh tế khó khăn. Ông Th, bà B không muốn vợ chồng anh Đ, chị H ly hôn mà về đoàn tụ với nhau để cùng nhau nuôi dạy con cái. Ông Th, bà B cũng không ghét bỏ gì chị H. Ông Th bà B trình bày: Vì gia đình theo Đạo Thiên chúa nên anh Đ không làm việc trực tiếp với Toà án, mọi văn bản tố tụng và tài liệu tổng đạt cho anh Đ, ông bà đã nhận và thông báo cho anh Đ biết.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận đơn khởi kiện của chị H; đề nghị HĐXX xử lý hôn giữa chị H và anh Đ. Về con chung: Giao cho chị H tiếp tục nuôi cháu Trần An Nh; giao cho anh Đ tiếp tục nuôi hai cháu Trần Minh T và Trần Thị Yến N; chị H, anh Đ không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH/14, đề nghị Toà án tuyên án phí chị H phải nộp là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã ND, huyện H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị H, anh Đ có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và vì kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường cãi chửi nhau. Từ tháng 01/2022, chị H, anh Đ đã sống ly thân. Như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị H đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh Đ là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị H, anh Đ có ba con chung là Trần Minh T, sinh ngày 13/07/2014; Trần Thị Yến N, sinh ngày 10/02/2017 và Trần An Nh, sinh ngày 13/8/2021. Hiện hai cháu lớn là T, N đang ở với anh Đ, cháu Nh còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) đang ở với chị H. Do vậy, việc giao cho chị H tiếp tục nuôi cháu Nh, anh Đ tiếp tục nuôi hai cháu T và N là phù hợp, đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần và theo nguyện vọng của cháu T, theo Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; anh Đ và chị H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn Đ.
2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi cháu Trần An Nh, sinh ngày 13/8/2021; giao cho anh Trần Văn Đ tiếp tục nuôi hai cháu Trần Minh T, sinh

ngày 13/07/2014; Trần Thị Yến N, sinh ngày 10/02/2017. Anh Đ, chị H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số 0000812 ngày 09/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng; chị H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án Tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- THADS huyện Nghĩa Hưng;
- UBND xã NĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phạm Văn Chúng

